

GIÁO DỤC HÒA NHẬP TRẺ KHUYẾT TẬT Ở VIỆT NAM – LÝ LUẬN, THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Tím Huế, Đồng Thị Yên
Trường Đại học Hải Dương

Tóm tắt: Sau hơn 30 năm phát triển, giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở Việt Nam đã bảo đảm cho hầu hết trẻ khuyết tật trong độ tuổi giáo dục mầm non và phổ thông được tiếp cận trực tiếp với giáo dục ở các nhà trường, chủ yếu bằng phương thức giáo dục hoà nhập. Đồng thời, chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật ngày càng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu giáo dục của trẻ khuyết tật cũng như gia đình của trẻ.

Nội dung bài viết tập trung vào tổng hợp các vấn đề lý luận, thông tin và số liệu thứ cấp để đưa ra một bức tranh tổng thể về giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật hiện nay ở nước ta. Mặc dù còn nhiều thách thức cần tiếp tục vượt qua, song quá trình phát triển giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật ở nước ta hiện nay đã đặt những nền móng vững chắc cho các nhà quản lý giáo dục các cấp, nhà trường (mầm non, phổ thông) xác định mục tiêu, giải pháp thực hiện và các điều kiện bảo đảm cho phát triển GDHN trẻ khuyết tật ở nước ta nói chung cũng như ở mỗi nhà trường giai đoạn tiếp theo.

Từ khóa: Giáo dục hoà nhập, trẻ khuyết tật, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập.

Nhận bài ngày 20.07.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 28.8.2025

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Thu Hà; Email: minhha77@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục hòa nhập (GDHN) trẻ khuyết tật ở Việt Nam bắt đầu được thực hiện từ đầu những năm 1990 của thế kỷ trước. Từ năm học 2001 – 2002, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) chính thức coi GDHN là phương thức chủ yếu để thực hiện các quyền của trẻ khuyết tật, trong đó có quyền được học tập ở các nhà trường [1].

Ngày càng nhiều trẻ khuyết tật được đi học ở các cơ sở giáo dục (chuyên biệt, bán hòa nhập và hòa nhập). Theo số liệu thống kê do các địa phương gửi tới Bộ GD&ĐT, năm học 2022-2023 có khoảng 85% với gần 1.200.000 trẻ khuyết tật đang đi học ở các cơ sở giáo dục, trong đó có khoảng 94% đang học theo phương thức GDHN, chủ yếu là ở cấp tiểu học, còn lại là một số ít học ở cấp mầm non, trung học cơ sở và trung học phổ thông và các cấp học cao hơn (cao đẳng, đại học) [2].

Bên cạnh đó, hàng loạt các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học trong nước đã công bố các kết quả nghiên cứu về phương thức giáo dục này, đồng thời ngày càng nhiều trẻ khuyết tật được đến trường học tập. Tuy nhiên, mặc dù GDHN đã được thực hiện hơn 30 năm ở nước ta và song cả về lý luận và thực tiễn trong suốt quá trình này luôn đặt ra những vấn đề thách thức đòi hỏi các nhà trường, cộng đồng, gia đình, các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ sở đào tạo phải nỗ lực theo chức năng, nhiệm vụ của mình để giúp cho việc tăng về số lượng trẻ khuyết tật được học tập, đồng thời, bảo đảm chất lượng học tập của trẻ khuyết tật, chất lượng GDHN [1].

Bài viết tập trung vào tổng hợp các vấn đề lý luận với những nội dung cơ bản như: 1) Thuật ngữ GDHN; 2) Hệ thống quản lý chuyên môn GDHN; 3) Thực trạng GDHN trẻ khuyết tật; 4) Các giải pháp phát triển GDHN trẻ khuyết tật ở nước ta giai đoạn hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Về thuật ngữ GDHN

2.1.1. Thuật ngữ GDHN trên thế giới

Có ba cách tiếp cận/cách hiểu và vận dụng thuật ngữ GDHN trên thế giới sau đây [4]:

a. GDHN là phương thức nhằm thực hiện Giáo dục cho mọi người

Đại diện các nước, các tổ chức quốc tế theo quan điểm này như Việt Nam, Lào, Ấn Độ, các nước châu Phi, Ý, Tây Ban Nha, Tổ chức văn hoá giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO), Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), Liên minh các Tổ chức cứu trợ trẻ em và một số các tổ chức phát triển quốc tế khác.

Quan điểm này xuất phát từ tiếp cận *giáo dục là quyền cơ bản của con người* được nêu trong Tuyên bố thế giới về Quyền con người năm 1948 và sau đó điều này được khẳng định một lần nữa tại điều 28 của Công ước quốc tế về Quyền trẻ em 1989.

Có thể tựu trung quan điểm này như sau: 1) GDHN dựa trên niềm tin rằng, quyền được hưởng giáo dục là quyền cơ bản của con người và là cơ sở nền tảng của một xã hội trong tương lai gần; 2) Để thực hiện được quyền này, những hành động Giáo dục cho mọi người đã diễn ra nhằm tạo ra một nền giáo dục cơ bản, có chất lượng cho mọi người; 3) GDHN mang tính định hướng cho việc thực hiện Giáo dục cho mọi người bằng cách tìm ra những con đường để làm cho các nhà trường có khả năng đáp ứng cho mọi người trong cộng đồng xã hội như là một bộ phận trong hệ thống GDHN; 4) GDHN quan tâm đến tất cả mọi người học, tập trung vào những cá nhân bị loại trừ khỏi những cơ hội giáo dục truyền thống như người có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ khuyết tật, người dân tộc, đồng bào ở các vùng sâu, vùng xa,...

b. GDHN là một trong các phương thức giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt

Đây là quan điểm tương đối phổ biến của hầu hết các quốc gia trên thế giới, cả trong lý luận và thực tiễn thực hiện GDHN, trước hết là tập trung chủ yếu vào giáo dục trẻ khuyết tật, sau đó được mở rộng dần ra giáo dục cho trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt khác. Theo đó, có ba phương thức giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt, đó là phương thức giáo dục chuyên biệt, giáo dục hội nhập và GDHN.

Mục tiêu GDHN bao gồm: 1) Đảm bảo cho mọi trẻ được hưởng những quyền giáo dục cơ bản, quyền tự do không tách biệt, tham gia vào mọi hoạt động xã hội và có cơ hội cống hiến; 2) Phát triển toàn diện các mặt cho trẻ, bao gồm: đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và khả năng lao động. Phát triển kiến thức, kỹ năng văn hóa xã hội, thái độ tích cực, tạo điều kiện hoà nhập cộng đồng khi trẻ 18 tuổi; 3) Trẻ có nhu cầu đặc biệt có cơ hội hoà nhập vào môi trường giáo dục phổ thông, phát triển hài hòa và tối đa những khả năng còn lại để hình thành, phát triển nhân cách.

c. GDHN là một bộ phận trong giáo dục phổ thông nhằm đáp ứng một số nhu cầu đặc biệt của trẻ

Đây là một quan điểm nhìn nhận tương đối phổ biến về GDHN ở Mỹ, một số nước châu Âu có nền kinh tế phát triển như Thụy Điển, Hà Lan, Đan Mạch,... ở châu Á như Hồng Kông, Thái Lan, Philippines và ở châu Phi như Nam Phi,...

Theo đó, khi một trẻ có nhu cầu đặc biệt học trong một lớp của trường hoà nhập thì trẻ đó bên cạnh yêu cầu cần phải tham gia mọi hoạt động học tập như những trẻ khác lại cần được đáp ứng nhu cầu riêng của bản thân. Điều này đòi hỏi trong lớp học có thêm một giáo

viên với trình độ chuyên môn sâu thuộc lĩnh vực để đáp ứng nhu cầu đặc biệt của trẻ. Giáo viên này được gọi là giáo viên chuyên biệt và thông thường mỗi loại trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt sẽ cần có giáo viên chuyên biệt về lĩnh vực đó. Việc đánh giá kết quả học tập của trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt có thể áp dụng riêng đối với từng lĩnh vực phát triển hoặc vẫn theo tiêu chí đánh giá chung như mọi trẻ khác.

Xu hướng về GDHN này ngày càng được mở rộng ra đối với các nước có nền kinh tế phát triển, khi mà một lớp học có thể có từ 2 đến 3 cùng phối hợp giảng dạy trong một lớp học với số lượng học sinh không nhiều (khoảng từ 25 đến tối đa là 30). Đồng thời, một phương pháp dạy học mới đang được hình thành và phát triển nhanh chóng, đó là phương pháp dạy học phối hợp (co-teaching).

2.1.2. Thuật ngữ GDHN ở Việt Nam

GDHN người khuyết tật Việt Nam đã chính thức được luật hóa trong Luật Người khuyết tật 2010, Điều 2, mục 4. *GDHN là phương thức giáo dục chung người khuyết tật với người không khuyết tật trong cơ sở giáo dục*. Tại Điều 3, mục 1. Dạng tật bao gồm: a) Khuyết tật vận động; b) Khuyết tật nghe, nói; c) Khuyết tật nhìn; d) Khuyết tật thần kinh, tâm thần; đ) Khuyết tật trí tuệ; e) Khuyết tật khác.

Như vậy, với các tiếp cận khác nhau về GDHN trên thế giới, các nhà khoa học thuộc lĩnh vực GDHN trẻ khuyết tật của Việt Nam cho rằng, GDHN có những đặc trưng cơ bản: 1) Giáo dục cho mọi đối tượng trẻ em, không phân biệt giới tính, dân tộc, tôn giáo, điều kiện kinh tế, thành phần xã hội; 2) Trẻ đi học ở cơ sở giáo dục tại nơi trẻ đang sinh sống; 3) Không đánh đồng mọi trẻ, mỗi trẻ là khác nhau; 4) Điều chỉnh phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ về mục tiêu, nội dung, phương pháp, đánh giá kết quả giáo dục.

2.2. Các quy định hiện hành về giáo dục hoà nhập đối với người khuyết tật ở Việt Nam

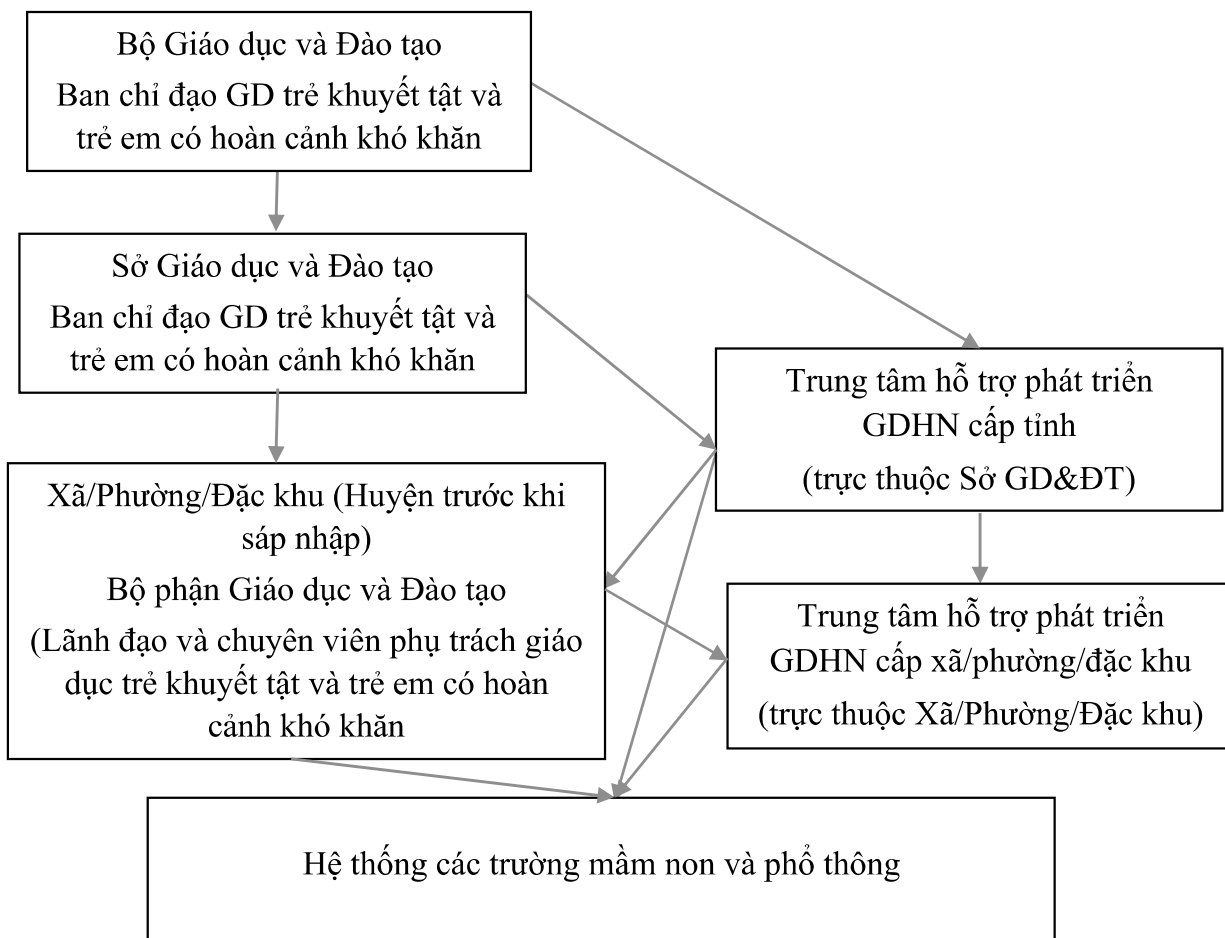
Thực hiện cam kết với cộng đồng quốc tế về việc thực hiện các Quyền cơ bản của trẻ em nói chung và đối với trẻ em khuyết tật, Việt Nam đã ban hành hàng loạt các văn bản về giáo dục người/trẻ khuyết tật. Nổi bật là một số các văn bản cụ thể như: 1) Luật số 51/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội quy định về quyền và nghĩa vụ của người khuyết tật; trách nhiệm của Nhà nước, gia đình và xã hội đối với người khuyết tật; 2) Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về GDHN đối với người khuyết tật; 3) Quyết định số 338/QĐ-BGDĐT ngày 30/01/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Kế hoạch giáo dục người khuyết tật giai đoạn 2018-2020; 4) Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN, bao gồm: tổ chức bộ máy; hoạt động; giáo viên, nhân viên; trẻ em, học sinh (sau đây gọi chung là học sinh) và học viên; tài chính và tài sản; quan hệ giữa Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN với các cơ quan, tổ chức khác;...; 5) Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 25/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;...

Có thể nói, hệ thống các văn bản pháp quy của Việt Nam về vấn đề giáo dục người khuyết tật, GDHN trẻ khuyết tật ngày càng được hoàn thiện hơn, tạo môi trường pháp lý thúc đẩy hơn nữa thực hiện có chất lượng và hiệu quả GDHN trẻ khuyết tật ở nước ta.

2.3. Hệ thống quản lý về GDHN trẻ khuyết tật

Bắt đầu từ năm học 2002-2003, hệ thống quản lý chuyên môn về GDHN trẻ khuyết tật của ngành GD&ĐT đã được thành lập gồm Ban chỉ đạo giáo dục trẻ khuyết tật các cấp và

đến năm 2009, đổi tên thành Ban chỉ đạo giáo dục trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Hệ thống này được thể hiện ở Sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 1: Hệ thống quản lý chuyên môn về giáo dục trẻ khuyết tật

Theo Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT, trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng [5].

Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN có thể được thành lập từ việc chuyển đổi mô hình giáo dục chuyên biệt hoặc xây dựng mới. Hiện nay, Việt Nam đã có khoảng gần 20 trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN cấp tỉnh. Mục tiêu đến năm 2030, mỗi tỉnh sẽ có ít nhất một trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN được xây dựng và hoạt động [6].

Phòng hỗ trợ GDHN trong nhà trường là một bộ phận hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật và điều kiện trang thiết bị phục vụ cho tăng cường chất lượng GDHN trẻ khuyết tật trong các nhà trường, bao gồm từ việc lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật đến việc hỗ trợ, kiểm tra thường xuyên và đánh giá kết quả GDHN trẻ khuyết tật của nhà trường [7].

Đây là một mô hình hỗ trợ được thực hiện thí điểm từ năm 2007 ở Việt Nam với 05 trường THCS huyện Kim Sơn (trước khi sáp nhập), tỉnh Ninh Bình và 05 trường THCS huyện Hiệp Đức (trước khi sáp nhập), tỉnh Quảng Nam [8]. Hiện nay, mỗi tỉnh đã có một trường THCS và một số trường tiểu học đã xây dựng Phòng hỗ trợ GDHN trong nhà trường.

Nhóm hỗ trợ cộng đồng là những thành viên trong cộng đồng dân cư ở thôn hoặc xã tự nguyện góp công sức, vật chất và tinh thần, hợp tác với nhau thành một nhóm để hỗ trợ giúp đỡ một hoặc nhiều trẻ khuyết tật vượt khó khăn để hoà nhập xã hội. Nhóm hỗ trợ cộng

đồng chỉ được thành lập trên địa bàn thôn, xã nào có trẻ khuyết tật thực sự cần được cộng đồng và các tổ chức khác hỗ trợ.

2.4. Thực trạng GDHN trẻ khuyết tật ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Những thành tựu

Việt Nam hiện có một hệ thống giáo dục tương đối đa dạng so với thập kỷ trước đây ở tất cả cấp học từ mầm non đến đại học. Số lượng và tỷ lệ trẻ khuyết tật nhập học ở các nhà trường đã tăng nhanh chóng sau những năm 2000. Các hoạt động GDHN, mặc dù chưa được thực hiện một cách tổng thể nhưng đã khuyến khích và hỗ trợ đáng kể trẻ khuyết tật chưa có điều kiện tiếp cận với giáo dục cơ bản. Tuy nhiên, chất lượng GDHN nhìn chung còn hạn chế, chưa nhận thức sâu sắc được nhu cầu phải có các dịch vụ và biện pháp mang tính toàn diện và chặt chẽ song song với các hỗ trợ cụ thể cho trẻ khuyết tật. Trong hệ thống giáo dục, GDHN tập trung cơ bản vào giáo dục tiểu học, việc can thiệp giáo dục sớm ở cấp mầm non đã được quan tâm thực hiện mặc dù hoạt động này chủ yếu do các cơ sở giáo dục ngoài công lập đảm nhiệm, giáo dục hướng nghiệp ở cấp trung học (THCS và THPT) và cấp học cao hơn bước đầu đã giúp cho một số trẻ khuyết tật được tiếp tục học tập.

Về chính sách và chiến lược: Việt Nam đã có chính sách phù hợp ở cấp quốc gia về việc phát triển GDHN đã bảo đảm cho trẻ khuyết tật tiếp cận với các hoạt động GDHN ở các nhà trường và dịch vụ hỗ trợ. Các văn bản chính sách quan trọng về GDHN trẻ khuyết tật ở cấp quốc gia đã được xây dựng trong thời gian qua. Trong hệ thống giáo dục, cấp quốc gia và cấp tỉnh đã được chỉ đạo thực hiện GDHN từ năm học 2001 - 2002, trong đó tập trung cụ thể vào quản lý giáo dục và hoạt động của Ban chỉ đạo giáo dục trẻ khuyết tật cấp tỉnh để hỗ trợ giáo dục trẻ khuyết tật.

Về việc tăng cường năng lực cho các cơ sở giáo dục để thực hiện nhiệm vụ GDHN đã được thể chế hóa: ở cấp quốc gia, trong Bộ GD&ĐT có cán bộ chuyên môn hỗ trợ công tác GDHN. Một số cơ quan chuyên môn như Trung tâm Nghiên cứu quốc gia về Giáo dục đặc biệt, Khoa Giáo dục đặc biệt của Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh để đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên sâu hỗ trợ trẻ khuyết tật trong các cấp học. Hiện tại có hơn 20 trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN cấp tỉnh đã được thành lập theo phương thức thành lập mới hoặc chuyển từ trung tâm chuyên biệt có nhiệm vụ, chức năng hỗ trợ GDHN nhằm cung cấp các kiến thức, kỹ năng chuyên môn cho hỗ trợ GDHN cho các nhà trường có trẻ khuyết tật học hoà nhập.

Về việc thu thập dữ liệu và tỷ lệ trẻ khuyết tật: Mỗi năm có các điều tra khác nhau về trẻ khuyết tật được tiến hành. Trọng tâm phần lớn vẫn tập trung vào những trẻ khuyết tật hiện chưa được tiếp cận với giáo dục. Số liệu ước tính về tỉ lệ trẻ khuyết tật không đi học mầm non, tiểu học và các cấp học rất khác nhau. Điều này do có quan niệm và cách tính toán số lượng trẻ khuyết tật, thậm chí ngay trong ngành GD&ĐT và điển hình là sự khác biệt công nhận trẻ khuyết tật của các ngành khác (Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội (trước khi sáp nhập), Giáo dục,...). Theo kết quả điều tra dân số năm 2019, Việt Nam có khoảng 1.329.000 trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 5 đến 16 tuổi.

Về việc phát triển nguồn nhân lực: Các trường đại học đã đạt được những thành công nhất định trong việc cung cấp các khóa đào tạo đại học nhằm cung cấp giáo viên và nhân viên hỗ trợ cho hoạt động giáo dục trẻ khuyết tật. Khoảng gần 5.000 giáo viên có trình độ cao đẳng, đại học, gần 350 thạc sỹ GD&ĐT và 10 NCS về GD&ĐT (trong đó đã có 05 NCS đã tốt nghiệp), hơn 10.000 giáo viên, nhân viên y tế, công tác xã hội,... đã được bồi dưỡng cấp

chứng chỉ về GDĐB, GDHN trẻ khuyết tật. Bên cạnh đó, hàng chục ngàn giáo viên các cấp học đã được tập huấn về GDHN trẻ khuyết tật từ cơ bản cho đến nâng cao.

Về các dịch vụ hỗ trợ: Nhận thức về những trẻ khuyết tật hiện không đi học hoặc không tiếp cận được với chương trình đã được nâng lên trong các thập kỷ vừa qua. Do đó, cần tiếp tục nâng cao hiểu biết, thái độ và kiến thức, kỹ năng cho các đối tượng khác nhau, đặc biệt là giáo viên để học có thể dạy học trong lớp học đa đối tượng, thay đổi từ việc truyền tải kiến thức một cách bị động sang một phương pháp khác là hướng dẫn trẻ suy nghĩ và đón nhận kiến thức một cách chủ động.

Các dịch vụ hỗ trợ GDHN trẻ khuyết tật được phát triển ở khắp các vùng, miền trong toàn quốc, đặc biệt là các dịch vụ đánh giá, trị liệu, can thiệp đối với trẻ có rối loạn phát triển tại các cơ sở giáo dục/trung tâm can thiệp ngoài công lập.

2.4.2. Những hạn chế

GDHN cho trẻ khuyết tật chủ yếu mới tập trung vào giáo dục tiểu học mặc dù những sáng kiến quy mô nhỏ gần đây tập trung vào hỗ trợ cho giáo dục trung học cơ sở và giáo dục mầm non.

Về chính sách và chiến lược

Về cơ bản, hiện Việt Nam đã có tương đối đầy đủ các văn bản pháp quy bảo đảm cho thực hiện GDHN cho trẻ khuyết tật, đặc biệt là hệ thống các văn bản được Nhà nước ban hành sau khi Luật Người khuyết tật năm 2010 và Quốc hội đã chính thức phê chuẩn Công ước quốc tế về Quyền của Người khuyết tật vào năm 2014.

Mặc dù phương hướng và kết quả cần đạt được đã được cụ thể hóa một cách chính thức trong các văn bản chính sách, các hoạt động GDHN chưa tập trung vào việc xây dựng một hệ thống giáo dục tổng thể cung cấp các phương pháp xác định nhu cầu và các dịch vụ đáp ứng các nhu cầu đó cùng như xây dựng một hệ thống giáo dục tôn trọng tính đa dạng của trẻ trong lớp học thông qua dạy học theo phương pháp lấy người học làm trung tâm và dạy học hòa nhập cho trẻ khuyết tật.

Về việc tăng cường năng lực cho các cơ sở giáo dục để thực hiện nhiệm vụ GDHN đã được thể chế hóa

Trách nhiệm cung cấp các dịch vụ giáo dục cho các nhóm trẻ thiệt thòi khác nhau được thực hiện một cách thiếu đồng bộ, do đó tạo ra chỗ trống trong việc cung cấp dịch vụ và làm tăng khó khăn trong việc đạt mục tiêu của Kế hoạch phát triển ngành giáo dục và Giáo dục cho mọi người. Nhu cầu tăng cường năng lực để hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy trong lớp học còn chưa được chú ý một cách đồng bộ. Hiện tại, ước tính có 15-20% trẻ khuyết tật trong một lớp hòa nhập chưa được đáp ứng đầy đủ về chất lượng giáo dục. Giáo viên, cán bộ quản lý các trường chuyên biệt vẫn chưa được đào tạo bồi dưỡng đầy đủ nhưng phải hoạt động quá tải, chưa có một mức chất lượng chuẩn cho các trường này và hiện đang được xem xét là đơn vị hỗ trợ GDHN ở cấp tỉnh và huyện. Dưới góc độ GDHN, kiến thức và kỹ năng tập huấn, năng lực giáo dục và dạy học hòa nhập của giáo viên còn nhiều hạn chế. Công tác phát triển chuyên môn cho giáo viên chưa được thể chế hóa trong các cơ sở giáo dục đại học mà chủ yếu dựa vào đội ngũ giảng viên cốt cán từ các cấp khác nhau.

Về việc thu thập dữ liệu và tỷ lệ người khuyết tật

Việc thu thập dữ liệu trong lĩnh vực GDHN đối với người khuyết tật chưa thực sự thống nhất về tiêu chí và cách đánh giá. Do đó, việc xác định người khuyết tật chỉ được dựa trên những khó khăn dễ nhận thấy, mang tính cảm tính và dẫn đến người khuyết tật bị xác định phân loại thiếu chính xác hoặc dán nhãn. Những người khuyết tật về phát triển thường bị bỏ sót. Các số liệu hiện tại người khuyết tật, cho thấy tỷ lệ và sự phân loại về người

khuyết tật còn rất khác nhau giữa các ban ngành. Số liệu người khuyết tật chủ yếu tập trung vào người khuyết tật đang học hoà nhập ở các nhà trường.

Về việc phát triển nguồn nhân lực

Các tài liệu có đề tập huấn bồi dưỡng giáo viên hoà nhập chưa nhận thức được đầy đủ nhu cầu của giáo viên và người khuyết tật trong lớp học nên nhiều tài liệu còn mang tính hàn lâm, chưa tập trung nhiều vào phát triển kỹ năng cần có của giáo viên đứng lớp nhằm đáp ứng được nhu cầu học tập đa dạng của học sinh trong lớp học.

Về các dịch vụ hỗ trợ

Hiện tại các dịch vụ hỗ trợ cho giáo viên, người khuyết tật và gia đình người khuyết tật tập trung hầu hết ở các cơ sở giáo dục ngoài công lập, hoạt động còn hết sức rời rạc, lẻ tẻ, chưa mang tính hệ thống. Các dịch vụ mang tính chuyên môn cao còn hạn chế, chủ yếu chỉ dành cho những người khuyết tật trong vùng miền mà điều kiện kinh tế-xã hội thuận lợi hoặc những người khuyết tật sống gần các khu vực đó. Các dịch vụ của trường chuyên biệt còn hạn chế và chưa có chuẩn chất lượng nào cho những dịch vụ này.

2.5. Các giải pháp phát triển GDHN trẻ khuyết tật ở nước ta giai đoạn hiện nay

2.5.1. Mục tiêu phát triển GDHN trẻ khuyết tật ở Việt Nam

a. Mục tiêu chung

Hình thành hệ thống giáo dục hoà nhập ở tất cả các cấp học của hệ thống giáo dục phổ thông; các chính sách giáo dục hoà nhập được thực hiện đầy đủ; hệ thống dịch vụ hỗ trợ giáo dục hoà nhập được triển khai hiệu quả; 95% người khuyết tật được tiếp cận giáo dục có chất lượng.

b. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2025, có 70% trẻ khuyết tật học hoà nhập, ở vùng thuận lợi tỉ lệ này tương ứng là 80%; vùng trung bình là 70%; vùng khó khăn là 60%.

Đảm bảo nguồn nhân lực đủ về số lượng và đạt yêu cầu về chất lượng cho sự phát triển giáo dục hoà nhập, đáp ứng nhu cầu của xã hội và của trẻ khuyết tật.

Giáo dục hoà nhập được thực hiện ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; mạng lưới dịch vụ hỗ trợ giáo dục hoà nhập được triển khai có hiệu quả trong phạm vi toàn quốc.

Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về GDHN, tại Điều 3. Mục tiêu GDHN:

1. Trẻ khuyết tật được phát triển khả năng của bản thân, được hoà nhập và tăng cơ hội đóng góp cho cộng đồng.

2. Đảm bảo quyền học tập bình đẳng, chất lượng và phù hợp với đặc điểm, khả năng của trẻ khuyết tật.

2.5.2. Các giải pháp chủ yếu thực hiện mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật

a. Đánh giá nhu cầu giáo dục trẻ khuyết tật

- Tổ chức khảo sát quy mô quốc gia nhằm thu thập số liệu và xác định nhu cầu giáo dục của trẻ khuyết tật; xác định năng lực và nhu cầu về chuyên môn nghiệp vụ giáo dục trẻ khuyết tật của cán bộ quản lý giáo dục các cấp và giáo viên; các điều kiện bảo đảm môi trường học tập an toàn và thân thiện cho trẻ khuyết tật.

- Nâng cấp, tích hợp các tính năng về thống kê, tổng hợp, tính toán dự báo về nhu cầu tiếp cận, tham gia giáo dục của trẻ khuyết tật vào hệ thống phần mềm phổ cập giáo dục và xóa mù chữ và phần mềm EMIS.

- Nghiên cứu thống nhất thuật ngữ và phương pháp nhận diện trẻ khuyết tật trong giáo dục theo chuẩn quốc tế.

b. Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và đánh giá các chương trình, đề án về giáo dục trẻ khuyết tật

- Đánh giá 10 năm thi hành nội dung về giáo dục trong Luật trẻ khuyết tật và đề xuất, sửa đổi bổ sung phù hợp với thực tiễn và Công ước của Liên hiệp quốc về Quyền của trẻ khuyết tật.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục trẻ khuyết tật.

- Đánh giá thực hiện nội dung về giáo dục trong các chương trình, đề án liên quan đến giáo dục trẻ khuyết tật.

- Kiểm tra, đánh giá và hướng dẫn địa phương thực hiện các văn bản về giáo dục trẻ khuyết tật.

- Ban hành Thông tư quy định chuẩn Quốc gia về ngôn ngữ ký hiệu và chữ nổi Braille cho trẻ khuyết tật.

- Ban hành danh mục tối thiểu đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học đặc thù cho giáo dục trẻ khuyết tật.

- Nghiên cứu đề xuất nội dung về giáo dục trẻ khuyết tật với các chương trình, đề án liên quan đến trẻ khuyết tật giai đoạn 2021-2030.

c. Tăng cường các điều kiện nâng cao chất lượng GDHN trẻ khuyết tật

- Phát triển chương trình, tài liệu GDHN trẻ khuyết tật theo tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Biên soạn chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phát hiện, can thiệp, chăm sóc và giáo dục trẻ khuyết tật.

- Biên soạn và triển khai nội dung GDHN trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tại các cơ sở đào tạo.

- Biên soạn hệ thống ngôn ngữ ký hiệu phổ thông và chữ nổi Braille thống nhất sử dụng trong các cơ sở giáo dục.

- Tổ chức hoạt động hiệu quả phòng hỗ trợ GDHN tại các cơ sở giáo dục.

d. Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ GDHN trẻ khuyết tật

- Hướng dẫn và hỗ trợ việc thành lập và tổ chức hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN.

- Hướng dẫn và hỗ trợ việc thành lập và tổ chức hoạt động của Phòng hỗ trợ GDHN trong trường mầm non và phổ thông.

- Tư vấn, hỗ trợ về phát hiện sớm, can thiệp sớm giáo dục; hỗ trợ GDHN trẻ khuyết tật tại các địa phương.

đ. Tăng cường hợp tác với các tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài hỗ trợ GDHN trẻ khuyết tật

Huy động nguồn lực (chuyên gia, kỹ thuật, công nghệ, tài chính,...) từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để nâng cao chất lượng giáo dục trẻ khuyết tật.

e. Kiện toàn, nâng cao năng lực tổ chức hoạt động của Ban chỉ đạo giáo dục trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương

- Hướng dẫn các tỉnh, thành phố kiện toàn nhân sự Ban chỉ đạo giáo dục trẻ khuyết tật; bảo đảm các điều kiện hoạt động hiệu quả của Ban chỉ đạo tại địa phương.

- Chỉ đạo việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hàng năm của Ban chỉ đạo giáo dục trẻ khuyết tật tại địa phương.

g. Công tác truyền thông

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm đảm bảo Quyền tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật cho tất cả liên đới.

- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, phổ biến chính sách, pháp luật về trẻ khuyết tật.
- Tổ chức và tham gia hội thảo, diễn đàn, sự kiện trong nước và quốc tế về GDHN trẻ khuyết tật.

2.5.3. Bảo đảm các điều kiện thực hiện GDHN trẻ khuyết tật ở Việt Nam

Các điều kiện đảm bảo thực hiện giáo dục hoà nhập đối với trẻ khuyết tật ở Việt Nam bao gồm:

a. Chương trình GDHN trẻ khuyết tật

Ở Việt Nam, chương trình GDHN trẻ khuyết tật được xây dựng dựa trên sự điều chỉnh Chương trình giáo dục của từng cấp bậc học (mầm non, tiểu học, THCS và THPT). Điều này có nghĩa là không có chương trình giáo dục riêng dành cho trẻ khuyết tật học hoà nhập, gồm các chương trình cụ thể: 1) Chương trình giáo dục cá nhân hay Kế hoạch giáo dục cá nhân (dành cho trẻ khuyết tật ở các cấp bậc học); 2) Chương trình can thiệp giáo dục sớm trẻ khuyết tật (dành cho trẻ khuyết tật ở mầm non); 3) Chương trình dạy học cụ thể/Giáo án dạy học hoà nhập (dành cho trẻ khuyết tật ở các cấp bậc học).

b. Mục tiêu năng lực đối với cán bộ quản lý và giáo viên cho GDHN trẻ khuyết tật

Mục tiêu này ở nước ta hiện nay cũng chưa được xây dựng. Một số nghiên cứu gần đây đã chỉ ra, đội ngũ giáo viên về GDHN trẻ khuyết tật của nhà trường cần có trình độ cao đẳng trở lên về GDHN, hoặc được bồi dưỡng cơ bản và chuyên sâu một đến hai chuyên ngành GDHN. Trong đó, thiết kế và tiến hành bài học hoà nhập, đánh giá khả năng của trẻ khuyết tật, đánh giá kết quả giáo dục và dạy học hoà nhập ở bài học, chủ đề, môn học cụ thể được coi là những năng lực quan trọng nhất của giáo viên dạy học hoà nhập. Tương tự, hiện chưa có chuẩn năng lực và còn có nhiều quan điểm về năng lực của cán bộ quản lý về GDHN trẻ khuyết tật. Bên cạnh những yêu cầu năng lực chung của một cán bộ quản lý giáo dục, các mục tiêu năng lực của cán bộ quản lý cho GDHN trẻ khuyết tật gồm 03 nhóm cơ bản: 1) Năng lực chuyên môn; 2) Năng lực quan hệ con người; 3) Năng lực khái quát.

c. Giáo dục và dạy học hoà nhập

Giáo dục và dạy học hoà nhập đối với trẻ khuyết tật chỉ có thể thực hiện và thực hiện thành công khi giáo viên sử dụng thuần thục, phối hợp linh hoạt các phương pháp điều chỉnh (đồng loạt, đa trình độ, trùng lặp giáo án và thay thế). Sử dụng phương pháp điều chỉnh trong giáo dục và dạy học hoà nhập không thể tách rời hoạt động của các HS khác trong tiến trình giờ dạy. Việc sử dụng này cần đem lại lợi ích không chỉ cho trẻ khuyết tật mà còn cho các trẻ khác khi tham gia các hoạt động học tập và lĩnh hội kiến thức, kỹ năng môn học, bài học.

d. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hòa nhập

Đây là điều kiện đảm bảo cho thực hiện GDHN trẻ khuyết tật của mỗi nhà trường. Trẻ khuyết tật có thể tham gia và sử dụng hầu hết các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của nhà trường, lớp học.

đ. Quản lý GDHN trẻ khuyết tật

Đây là một nhiệm vụ được lồng ghép phối hợp chung trong hoạt động quản lý nhà trường, mang tính tổng thể quản lý giáo dục với các nội dung như quản lý phát triển nguồn nhân lực cho GDHN trẻ khuyết tật, quản lý nhà trường có trẻ khuyết tật học hoà nhập. Vấn đề cơ bản và cốt lõi của công tác này là lập và thực hiện kế hoạch, đồng thời tạo môi trường chính sách đảm bảo cho việc thực hiện hiệu quả GDHN trẻ khuyết tật của nhà trường.

e. Sự phối hợp các lực lượng cộng đồng trong GDHN trẻ khuyết tật

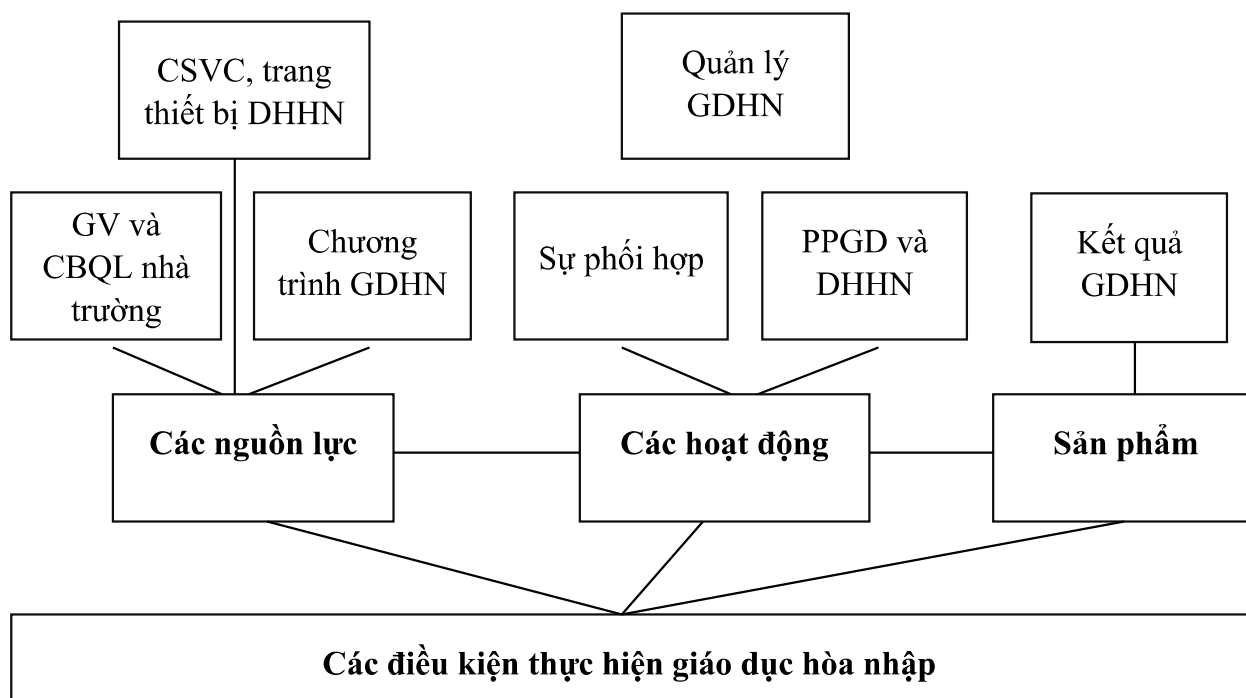
Là nhân tố quan trọng đảm bảo sự thành công và chất lượng của GDHN. Các lực lượng cộng đồng như “Nhóm hỗ trợ cộng đồng”, “Vòng tay bạn bè của trẻ khuyết tật”, “Câu lạc bộ trẻ khuyết tật”, “Câu lạc bộ gia đình trẻ khuyết tật”, “Ban đại diện cha mẹ học sinh”

trong đó có đại diện cha/mẹ trẻ khuyết tật,... Nhà trường là nhân tố hạt nhân để lôi cuốn sự tham gia và phối hợp những lực lượng này vào các hoạt động GDHN được tổ chức trong nhà trường và tại cộng đồng.

g. Kết quả GDHN trẻ khuyết tật

Là một thành tố quan trọng của chất lượng GDHN nói chung, được coi là “sản phẩm” của toàn bộ quá trình GDHN của nhà trường. Kết quả này được thực hiện thông qua đánh giá kết quả học tập, kết quả rèn luyện kỹ năng và kết quả thay đổi hành vi, thái độ của trẻ khuyết tật với sự thay đổi trong quan điểm, phương pháp đánh giá và xếp loại.

Có thể sơ đồ hoá các điều kiện đảm bảo thực hiện giáo dục hoà nhập đối với trẻ khuyết tật ở Việt Nam bằng sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 2: Sự hợp thành các điều kiện thực hiện GDHN trẻ khuyết tật

Như vậy, với cách tiếp cận tổng thể và bộ phận của quá trình giáo dục, các điều kiện thực hiện GDHN trẻ khuyết tật ở cấp độ nhà trường có thể được hiểu bao gồm ba nhân tố cơ bản: 1) Các nguồn lực; 2) Các hoạt động hay quá trình; 3) Sản phẩm. Mỗi điều kiện cơ bản này lại bao gồm các điều kiện cụ thể hơn, các điều kiện thực hiện GDHN trẻ khuyết tật tổng thể chính là sự hợp thành của mỗi điều kiện đó.

3. KẾT LUẬN

Khái niệm GDHN ngày càng được sử dụng thống nhất đối với các nước trên thế giới, trong đó có nước ta. Tuy nhiên, có nhiều quan điểm và cách thức tổ chức GDHN khác nhau trên thế giới. Lựa chọn phương thức GDHN phù hợp còn cần phải căn cứ vào điều kiện kinh tế, văn hoá, hệ thống giáo dục, quản lý và tổ chức hoạt động giáo dục của mỗi nước. Hoà nhập có liên quan đến sự thay đổi. Đó là quá trình không có hồi kết của hoạt động học tập và tham gia hoạt động học tập ngày càng tích cực hơn của trẻ. Đó là một lý tưởng mà nhà trường nào cũng mong muốn đạt được nhưng không bao giờ có thể hoàn thành trọn vẹn. Hoà nhập diễn ra ngay khi quá trình hoạt động bắt đầu gia tăng. Nhà trường hoà nhập là nhà trường sẵn sàng cho sự thay đổi để phát triển.

Bài viết dựa trên sự tổng hợp, phân tích lý luận và thực hiện của quá trình phát triển GDHN ở Việt Nam, tập trung vào GDHN trẻ khuyết tật giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó

đưa ra mục tiêu, giải pháp thực hiện và các điều kiện bảo đảm cho phát triển GDHN trẻ khuyết tật ở nước ta giai đoạn tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hai Nguyen Xuan, Richard A. Villa et al (2020), Inclusion in Viet Nam: More Than A Quarter Century of Implementation, *International Electronic Journal of Elementary Education*, Volume 12, p257-264.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), *Báo cáo thống kê giáo dục khuyết tật năm học 2023-2024*, Hà Nội.
3. Hai Nguyen Xuan, Richard A. Villa et al (2020), Inclusion in Viet Nam: More Than A Quarter Century of Implementation, *International Electronic Journal of Elementary Education*, Volume 12, p257-264.
4. Nguyễn Xuân Hải (2009), Về khái niệm giáo dục hoà nhập, *Tạp chí Khoa học Giáo dục – Viện KHGD Việt Nam*.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập*, Hà Nội.
6. Thủ tướng Chính phủ (2025), *Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 25/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2018 ban hành Quy định về giáo dục hoà nhập đối với người khuyết tật*, Hà Nội.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo – Vụ Giáo dục Trung học (2007), *Báo cáo nghiên cứu thí điểm mô hình phòng hỗ trợ giáo dục hoà nhập cấp trung học*, Hà Nội.

INCLUSIVE EDUCATION FOR CHILDREN WITH DISABILITIES IN VIETNAM – THEORY, CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS FOR IMPLEMENTATION IN THE CURRENT STAGE

Astract: After more than 30 years of development, inclusive education for children with disabilities in Vietnam has ensured that most children with disabilities of preschool and general education age have direct access to education in schools, mainly through inclusive education. At the same time, the quality of care and education for children with disabilities has been increasingly improved, meeting the educational needs of children with disabilities as well as their families. The content of the article focuses on synthesizing theoretical issues, information and secondary data to provide an overall picture of inclusive education for children with disabilities in our country today. Although there are still many challenges that need to be overcome, the process of developing inclusive education for children with disabilities in our country today has laid a solid foundation for educational managers at all levels and schools (preschool, general) to determine the goals, implementation solutions and conditions to ensure the development of inclusive education for children with disabilities in our country in general as well as in each school in the next stage.

Keywords: Inclusive education, children with disabilities, center for supporting the development of inclusive education.